

Số: 2889 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn  
tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của  
Chính phủ và Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính  
phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16  
tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của  
Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định  
ranh giới rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra,  
kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số  
điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của  
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê  
và theo dõi diễn biến rừng;*

*Căn cứ Thông tư 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của*

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;

Căn cứ Văn bản số 2338/BNN-KL ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều tra xác định hiện trạng rừng; Văn bản số 3901/BNN-KL ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổ chức điều tra xác định hiện trạng rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3917/SNN-TTr ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024-2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024-2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở : Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban ngành, các chủ rừng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ Tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Cục Kiểm lâm, Cục Lâm nghiệp;
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

Vinh km KH điều tra rừng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Phi**



## KẾ HOẠCH

### Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2024-2025

*(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Thực hiện Văn bản số 2338/BNN-KL ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều tra xác định hiện trạng rừng; Văn bản số 3901/BNN-KL ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức điều tra xác định hiện trạng rừng; Quyết định số 145/QĐ-CKL ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Cục Kiểm lâm về ban hành “Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật Điều tra rừng”;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với nội dung như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT

Đồng Nai là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, có diện tích rừng tương đối lớn theo số liệu hiện trạng rừng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai công bố tại Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 toàn tỉnh có 200.363,75 ha diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng, trong đó Diện tích có rừng 170.547,5 ha (rừng tự nhiên: 124.328,89 ha, rừng trồng: 46.218,61 ha); Diện tích chưa thành rừng: 29.816,25 ha (Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 11.079,72 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh: 791,78 ha, diện tích khác: 17.944,75 ha). Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo mục đích sử dụng: (i) Rừng đặc dụng 104.139,16 ha; (ii) Rừng phòng hộ 40.157,91 ha; (iii) Rừng sản xuất 56.066,68 ha (quy hoạch rừng sản xuất: 35.936,82 ha; ngoài quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất: 20.129,86 ha); tỷ lệ che phủ của tỉnh Đồng Nai năm 2023 là 28,92 %.

Công tác Điều tra rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được thực hiện từ năm 2016 thuộc Dự án Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013- 2016 theo Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện trên cơ sở biện pháp kỹ thuật và các tiêu chí phân loại rừng theo các Nghị định, Thông tư hướng dẫn tại Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, đến nay có những thay đổi theo quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các nghị định, thông tư hướng dẫn. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 114/NQ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về

việc xác định địa giới hành chính giữa tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh tại khu vực Cù lao Gò Gia do lịch sử để lại và Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính nên có nhiều đơn vị hành chính cấp huyện, xã đã được sắp xếp, thay đổi.

Đồng thời, Chính phủ đã và đang chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp thực hiện quản lý rừng bền vững, chính sách về tín chỉ các - bon của rừng và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; đảm bảo phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên về môi trường, sinh thái và xã hội; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh rừng trồng, thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có kiểm soát gắn với phát triển các làng nghề truyền thống và văn hóa bản địa; phát triển dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh; phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp dưới tán rừng...

Để triển khai thực hiện theo quy định về Điều tra rừng tại Luật Lâm nghiệp năm 2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Văn bản số 2338/BNN-KL ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc điều tra xác định hiện trạng rừng. Vì những lý do nêu trên, việc xây dựng Kế hoạch Điều tra xác định hiện trạng rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2024 – 2025 là nhiệm vụ rất cần thiết và cấp bách đúng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và đúng quy định của pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Xác định được diện tích rừng, trữ lượng rừng và trữ lượng các-bon các loại rừng và diện tích chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp của từng đơn vị hành chính cấp xã, huyện và toàn tỉnh phục vụ quản lý rừng bền vững, phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; cung cấp thông tin về hiện trạng rừng cho các sở ngành, địa phương thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

### **2. Yêu cầu**

- Thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng theo quy định tại Điều 33 Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày

16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công tác điều tra ở địa phương; phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện điều tra;

- Điều tra xác định hiện trạng rừng được tiến hành đồng loạt trên địa bàn toàn tỉnh, từ cấp xã, huyện, tỉnh. Số liệu điều tra hiện trạng rừng phải khách quan, minh bạch, phản ánh đúng tiêu chí rừng theo quy định, vị trí, diện tích rừng phù hợp giữa kết quả điều tra và ngoài thực địa. Đồng thời, hoàn thành đúng tiến độ đề ra;

- Kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng bao gồm: Hệ thống bản đồ và số liệu điều tra rừng theo quy định; Báo cáo kết quả điều tra diện tích rừng theo 3 loại rừng và diện tích rừng ngoài 3 loại rừng (ngoài quy hoạch lâm nghiệp) được công bố theo quy định và cập nhật cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2025 của tỉnh nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về lâm nghiệp

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

#### **1. Phạm vi**

Toàn bộ diện tích đất có rừng và đất chưa có rừng theo 03 loại rừng và diện tích rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (*rừng tự nhiên, rừng trồng đã quy hoạch cho mục đích khác hoặc từ trước đến nay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp*) thuộc 11 huyện, thành phố thuộc tỉnh.

#### **2. Đối tượng**

- Theo mục đích sử dụng (*rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp*);

- Theo đơn vị hành chính, theo chủ rừng;

- Theo nguồn gốc sử dụng (*rừng tự nhiên, rừng trồng; đất chưa có rừng*).

### **IV. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN VÀ THÀNH QUẢ**

#### **1. Công tác chuẩn bị**

Xây dựng đề cương kỹ thuật Điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa, thông qua đề cương kỹ thuật Điều tra xác định hiện trạng rừng; thẩm định, phê duyệt đề cương; tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện đề cương.

#### **2. Triển khai thực hiện các nội dung**

##### **2.1. Điều tra diện tích rừng**

###### *2.1.1. Nội dung thực hiện*

a) Điều tra rừng tự nhiên (giàu, trung bình, nghèo, nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng); điều tra rừng trồng (theo loài cây, cấp tuổi) phân theo mục đích sử dụng; điều tra đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng.

b) Điều tra diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng theo điều kiện lập địa.

c) Điều tra diện tích rừng núi đất, núi đá, đất ngập nước;

d) Điều tra diện tích khoanh nuôi tái sinh, diện tích mới trồng chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng;

đ) Điều tra diện tích các trạng thái rừng theo chủ rừng, theo đơn vị hành chính.

#### 2.1.2. Phương pháp thực hiện:

a) Điều tra diện tích rừng được thực hiện theo lô trạng thái rừng;

b) Giải đoán ảnh viễn thám; xây dựng bản đồ giải đoán hiện trạng rừng bằng phần mềm chuyên dụng. Trường hợp ảnh viễn thám không đảm bảo hoặc các khu vực thiếu ảnh thì cần có phương án thay thế (*bay chụp, điều tra mặt đất bổ sung...*);

c) Điều tra bổ sung hiện trạng các lô trạng thái rừng ngoài thực địa;

d) Biên tập, hoàn thiện bản đồ hiện trạng rừng và tính toán diện tích các lô trạng thái rừng bằng các phần mềm chuyên dụng.

#### 2.1.3. Thành quả:

a) Bản đồ hiện trạng rừng theo yêu cầu của nội dung điều tra đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Hệ thống số liệu điều tra gốc, số liệu tổng hợp theo các Biểu số 04, 05 và Biểu số 08 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá diện tích rừng.

### 3. Điều tra trữ lượng rừng

#### 3.1. Nội dung thực hiện:

a) Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng;

b) Điều tra trữ lượng tre nứa của rừng tự nhiên và rừng trồng;

c) Điều tra trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nứa của rừng hỗn giao gỗ và tre nứa;

#### 3.2. Phương pháp thực hiện:

a) Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí ngẫu nhiên hoặc hệ thống, diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích lớn hơn 2.000 ha;

b) Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình, diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến 1.000 m<sup>2</sup>, đối với những trạng thái rừng tự nhiên có diện tích nhỏ hơn 2.000 ha; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,1%;

c) Sử dụng ô tiêu chuẩn bố trí điển hình theo từng trạng thái rừng (*loài cây, cấp tuổi*), diện tích từ 100 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup> đối với rừng trồng; tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%;

d) Điều tra cây gỗ và cây tre nửa bao gồm: xác định tên loài cây, phẩm chất cây, đo chiều cao vút ngọn, đường kính thân tại vị trí 1,3 m;

đ) Sử dụng các thiết bị điều tra nhanh trữ lượng rừng;

e) Sử dụng biểu trữ lượng, sản lượng lập sẵn để tra cứu;

g) Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

### 3.3. Thành quả:

a) Hệ thống số liệu điều tra gốc và biểu tổng hợp trữ lượng rừng theo các Biểu số 01, 02, 03, 06, 07 và Biểu số 09 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá trữ lượng rừng.

## 4. Điều tra sinh khối và trữ lượng các - bon rừng

### 4.1. Nội dung điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng:

Trữ lượng Các – bon rừng chỉ tính phần cây đứng (bể sinh khối tươi trên mặt đất và dưới mặt đất) được tính thông qua trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nửa được điều tra cho các trạng thái rừng (không tiến hành điều tra trữ lượng các-bon riêng). Trữ lượng các-bon rừng trong bể sinh khối tươi được tính cho sinh khối cây gỗ và tre nửa tươi; các sinh khối tươi khác (cây bụi, cây tái sinh, dây leo, thảm tươi...) không được tính.

a) Tính toán trữ lượng Các – bon (rừng tự nhiên và rừng trồng) phân theo mục đích sử dụng;

b) Tính toán trữ lượng Các – bon rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi.

### 4.2. Phương pháp điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon

a) Sử dụng số liệu điều tra tại mục 3 để tính toán trữ lượng các-bon rừng;

b) Tính toán trữ lượng Các – bon bằng phương pháp quy đổi gián tiếp từ sinh khối theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018;

Trữ lượng Các – bon trong sinh khối rừng được tính cho từng kiểu rừng theo phương pháp gián tiếp được tính toán theo các công thức quy định tại Sổ tay Hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng kèm theo Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Cục Kiểm lâm.

### 4.3 Thành quả điều tra sinh khối và trữ lượng Các – bon: báo cáo kết quả

điều tra, đánh giá sinh khối và trữ lượng Các – bon rừng.

## V. THỜI GIAN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### 5.1. Năm 2024

- Ban hành Kế hoạch, phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí;
- Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện Điều tra rừng.

### 5.2. Năm 2025

- Tiếp nhận và giải đoán ảnh vệ tinh từ Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Tổ chức điều tra rừng.
- Tổng hợp kết quả, nghiệm thu, báo cáo, phê duyệt.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

6.1. Tổng dự toán kinh phí thực hiện: 24.031.556.558 đồng, gồm:

- Chi phí lập đề cương nhiệm vụ:	28.121.537 đồng
- Chi phí thực hiện nhiệm vụ điều tra rừng:	19.970.024.217 đồng
- Chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư:	1.198.201.453 đồng
- Thuế VAT :	2.119.634.721 đồng
- Khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám:	595.424.485 đồng
- Lựa chọn nhà thầu:	120.150.145 đồng

### 6.2. Nguồn kinh phí

Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp giao ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai trong đó: Năm 2024 dự toán: 152.937.000 đồng; năm 2025 dự toán: 23.878.619.000 đồng *(Kinh phí sẽ được thẩm định chi tiết trong quá trình xây dựng đề cương và dự toán thực hiện).*

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan đầu mối có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, để làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, phối hợp, thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.



- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện chế độ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả điều tra xác định hiện trạng rừng theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối của ngân sách để thực hiện Kế hoạch.

## **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình thực hiện tra rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

## **4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các Sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

## THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐIỀU TRA RỪNG TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục

TT	Nội dung	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Kết quả
1	Phê duyệt kế hoạch điều tra rừng	Trước 30/9/2024	Chi Cục Kiểm lâm	Các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh
2	Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn xây dựng đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí Điều tra rừng	Trước 15/10/2024	Chi Cục Kiểm lâm	Các đơn vị có liên quan	Đề cương nhiệm vụ được phê duyệt
3	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí	Trước 30/10/2024	Chi Cục Kiểm lâm	Các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh
4	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu Điều tra rừng	Trước 30/11/2024	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh
5	Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn lập hồ sơ và tổ chức mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện Điều tra rừng	Trước 10/12/2024	Chi cục Kiểm lâm	Các đơn vị có liên quan	Hợp đồng tư vấn được ký kết
6	Ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện Điều tra rừng	Trước 31/01/2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan	Hợp đồng tư vấn được ký kết

TT	Nội dung	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Kết quả
7	Tiếp nhận và giải đoán ảnh vệ tinh từ Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quý I/2025	Đơn vị tư vấn	Các đơn vị có liên quan	Ảnh vệ tinh đảm bảo yêu cầu được tiếp nhận
8	Tổ chức triển khai Dự án Điều tra rừng	Trước 31/3/2025	Đơn vị tư vấn	Các đơn vị có liên quan	Hồ sơ nhiệm vụ
9	Tổ chức kiểm tra, thẩm định và trình phê duyệt	Trước 30/11/2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Biên bản kiểm tra, nghiệm thu, tờ trình
9	Phê duyệt và công bố kết quả	Trước 15/12/2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh